

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số TCB: 29/AEONVN/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân : CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

Địa chỉ : Số 30, đường Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (+84) 28 6288.7711 Fax :

E-mail : pqa@aeon.com.vn

Mã số doanh nghiệp : 0311241512

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm : BÚN TƯƠI SÁY KHÔ

2. Thành phần : 100% Bột gạo

3. Thời hạn sử dụng : 24 tháng kể từ ngày sản xuất sản phẩm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

- Bao bì tiếp xúc trực tiếp: Túi nhựa OPP đạt yêu cầu theo QCVN 12-1:2011/BYT.

- Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 300 g, 400 g, 500 g và tùy theo nhu cầu của người sử dụng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: XÍ NGHIỆP BÁNH PHÒNG TÔM SA GIANG 2

Địa chỉ sản xuất : Lô III-2, III-3, Khu A1, KCN Sa Đéc, Phường An Hòa, Thành Phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Số Giấy Chứng nhận BRC: 381A1209003I do CÔNG TY TNHH CHỨNG NHẬN INTERTEK cấp ngày 18.11. 2021.

III. Nhãn sản phẩm (Có phụ lục đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.1. Chỉ tiêu chất lượng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
01	Hàm lượng Muối (NaCl)	g/100g	≤ 0.12
02	Năng lượng (Calories)	kcal/100g	315 - 385
03	Hàm lượng đạm (Protein (N*6.25))	g/100g	7.08 – 8.66
04	Hàm lượng chất béo (Total fat)	g/100g	0.45 – 0.55
05	Hàm lượng tổng carbohydrate	g/100g	70.7 – 86.5
06	Hàm lượng hàn the (Borax)	-	Âm tính
07	Hàm lượng formol (formaldehyde)	mg/kg	Không được có
08	Hàm lượng chất làm trắng Tinopal	$\mu\text{g/kg}$	Không được có

4.2. Hàm lượng vi sinh vật: Theo QĐ 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm. (Mục 6.5 - Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong ngũ cốc và sản phẩm ngũ cốc)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu tối đa
01	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6
02	Coliform	CFU/g	10^3
03	E. coli	CFU/g	10^2
04	Staphylococcus aureus	CFU/g	10^2
05	Clostridium perfringens	CFU/g	10^2
06	Bacillus cereus	CFU/g	10^2
07	Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	10^3

4.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Theo QCVN 8-1:2011/BYT (Mục II: chỉ tiêu Aflatoxin-TT1.7, Ochratoxin A -TT 2.2)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu tối đa
01	Aflatoxin (tổng B1, B2, G1, G2)	$\mu\text{g/kg}$	10
02	Aflatoxin B1	$\mu\text{g/kg}$	5
03	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	3

4.4. Hàm lượng kim loại nặng: Theo QCVN 8-2:2011/BYT (Mục II: chỉ tiêu Pb-TT 18, Cd-TT 19)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu tối đa
01	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0.2
03	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0.4

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Duy Xuân





PHỤ LỤC
NHÃN DỰ THẢO
Mặt trước

QUALITY AND TRUST
TOPVALU
TOP VALU

**CHẤT LƯỢNG
AN TOÀN**
Quality • Safety

**KHÔNG
HÀN THE**
NO BORAX

**KHÔNG
FORMOL**
NO FORMALDEHYDE

BÚN TƯƠI SẤY KHÔ

Fresh Rice
Vermicelli (Dried)

Khối lượng tịnh
/ Net Wt
300 g

100% TỰ NHIÊN
VẮT TRÒN TIỆN LỢI
PACKING ROLL CONVENIENT

Thành phần dinh dưỡng (Khẩu phần: 100 g)
Nutrition Facts (Serving size: 100 g)

Chất béo (Total fat) (g)	Chất đạm (Protein) (g)	Carbohydrate Content (g)	Năng lượng (Energy) (kcal)	Muối (NaCl) (g)
0.45 - 0.55	7.08 - 8.66	70.7 - 86.5	315 - 385	≤ 0.12



PHỤ LỤC
NHÃN DƯ THẢO

Mặt sau



Sản phẩm sử dụng 100% nguyên liệu hoàn toàn tự nhiên, không sử dụng hàn the, không sử dụng formaldehyde, không sử dụng chất làm trắng tinopal.

Thành phần:
100% bột gạo.

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng với nước soup, lẩu, các món xào khác....

1. Dùng với soup, lẩu:

- Nấu trong nước sôi khoảng 2 - 3 phút, vớt ra, xả lại bằng nước sạch, để ráo.

- Nấu nước soup sẵn xong cho nước soup vào bún.

2. Dùng để xào:

- Ngâm bún trong nước ấm 60°C (bằng cách pha 2 phần nước nóng, 1 phần nước lạnh) khoảng 10 phút vớt ra.

- Xào tôm, thịt, rau sẵn, xong cho bún vào xào chung.

3. Sử dụng như bún tươi:

- Ngâm bún trong nước khoảng 3 - 5 phút.

- Nấu trong nước sôi khoảng 3 - 4 phút, vớt ra xả lại bằng nước sạch, để ráo khoảng 5 phút sau sử dụng như bún tươi.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi thoáng mát, khô ráo, tránh ánh sáng mặt trời.

Thông tin cảnh báo:

Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

Ingredients:

100% flour rice.

Instruction for use:

Use with soup, hot pot, other stir-fried dishes....

1. Use with soup, hot pot:

- Cook in boiling water about 2 - 3 minutes, take out, rinse with clean water, drain.

- After cooking the soup, put the soup into the vermicelli.

2. For stir-frying:

- Soak vermicelli in water at 60°C (by mixing 2 parts of hot water, 1 part of cold water) about 10 minutes.

- Stir-fry shrimp, meat, ready made vegetables then put vermicelli in and stir-fry together.

3. Use as fresh rice vermicelli:

- Soak vermicelli in water for about 3 - 5 minutes.

- Cook in boiling water about 3 - 4 minutes, take out and rinse with clean water, drain about 5 minutes, then use as fresh vermicelli.

Storage instruction:

Stored in a cool, dry place, away from the sunlight.

Noice:

Do not use the product after the expiration date.

Sản phẩm của/ Product of:

CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM/ AEON VIETNAM CO.,LTD.

Địa chỉ: Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại/ Produced by:

XÍ NGHIỆP BÁNH PHỐI TÔM SA GIANG 2/ SA GIANG 2 FACTORY.

SA GIANG IMPORT EXPORT CORPORATION.

Địa chỉ: Lô III-2, III-3, Khu A1, KCN Sa Đéc, Phường An Hòa, Thành Phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Ngày sản xuất/ Production date:

Xem trên bao bì/ Please see on the package.

Hạn sử dụng/ Expiration date:

Xem trên bao bì/ Please see on the package.

Số TCB: 29/AEONVN/2022.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1220801356-2

Trang/ Page No: 1/1

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM
2. Địa chỉ/ Client's Address : Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 25/08/2022
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 25/08/2022
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/08/2022
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÚN TƯƠI SẤY KHÔ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
2	LS Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1220801356-2

Trang/ Page No: 1/1

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM
- Địa chỉ/ Client's Address : Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 25/08/2022
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 25/08/2022
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/08/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÚN TƯƠI SÁY KHÔ
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Aflatoxin (tổng B ₁ ,B ₂ ,G ₁ ,G ₂) (*) / Aflatoxin (sum of B ₁ ,B ₂ ,G ₁ ,G ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.45	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
2	LS Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	1	TS-KT-SK-41:2018 (Ref. EUR 23657 EN – 2009)

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28 3810 4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1220901121-2

Trang/ Page No: 1/1

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM
- Địa chỉ/ Client's Address : Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TPHCM, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 21/09/2022
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 21/09/2022
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 24/09/2022
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÚN TƯƠI SÁY KHÔ
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Định tính borax (*) / Qualitative of borate (*)	Âm tính/ Negative	-	-	TCVN 8895:2012
2	LS Formaldehyde (*) / Formaldehyde (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	5	TS-KT-HCB-101:2020

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1221000178-2

Trang/ Page No: 1/1

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM
2. Địa chỉ/ Client's Address : Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TPHCM, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 28/09/2022
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 28/09/2022
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 01/10/2022
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÚN TƯƠI SẤY KHÔ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Tinopal (*) / Tinopal (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	5	TS-KT-SK-59:2019

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1220801356-2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM
2. Địa chỉ/ Client's Address : Số 30, Đường Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 25/08/2022
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 25/08/2022
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/08/2022
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : BÚN TƯƠI SÁY KHÔ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL1220801356-2

Trang/ Page No: 2/2

STT/ No.	Chi Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	LS Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	7.0x10 ¹	CFU/g	-	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
2	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
3	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	LS Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
5	LS Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
6	LS Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 980.31
7	LS Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-2 : 2010 (ISO 21527-2 : 2008)

Chú thích/ Remarks:

- 1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28 3810 4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Testing Report / Báo cáo Kết quả Phân tích

Applicant / ref. (Khách hàng / số yêu cầu) : CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM
Information provided by applicant : Bún tươi sấy khô
(Thông tin được khách hàng cung cấp)
Sample description (Mô tả mẫu) : Bún tươi sấy khô
Source of sample (Nguồn mẫu) : Mẫu nhận từ khách hàng
Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 24-Aug-2022
Sample tested on (Ngày phân tích) : 24-Aug-2022

Testing Results / Kết quả phân tích

No./STT	Parameters / Chỉ tiêu	Unit / Đơn vị	Result / Kết quả	LOD / Giới hạn phát hiện	Test Method / Phương pháp phân tích
1	Total carbohydrate/ Carbohydrate tổng số	g/100g	78.6	0.20	FST-WI08 chapter 94 (V.0) (CODEX STAN 166-1989)
2	Protein (N*6.25)/ Hàm lượng đạm (N*6.25)	g/100g	7.87	-	TCVN 4593:1988
3	Calories/ Năng lượng	kcal/100g	350	-	FST-WI08 chapter 111 Calculate from testing: Total Carbohydrate, fat, protein
4	Fat content/ Hàm lượng béo	g/100g	0.50	0.10	TCVN 4592:1988
5	Sodium (Na) content/ Hàm lượng Natri (Na)	mg/100g	37.3	1.00	AOAC 985.35 (21 st Ed., 2019) (AAS)

Note / Ghi chú:

1. This testing result is only valid on tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. LOD: Limit of detection / Giới hạn phát hiện.
3. LOQ: Limit of quantification/ Giới hạn định lượng.
4. (*) Parameters are not accredited ISO 17025/ Chỉ tiêu chưa được công nhận ISO 17025.

On behalf of Intertek Vietnam-Cantho branch



This report (including any enclosures and attachments) has been prepared for the exclusive use and benefit of the addressee(s) and solely for the purpose for which it is provided. Unless we provide express prior written consent, no part of this report should be reproduced, distributed or communicated to any third party. We do not accept any liability if this report is used for an alternative purpose from which it is intended, nor do we owe any duty of care to any third party in respect of this report. Except where explicitly agreed in writing, all work and services performed is governed by Intertek Standard Terms and Conditions of Service which is available on request and at <http://www.intertek.com/terms>.

Intertek Vietnam Limited

Food Office & Laboratory
M10, 11, 12, 13 KDT Nam Song Can Tho, Thanh Thuan Area,
Phu Thu Ward, Cai Rang District, Can Tho City, Vietnam

Tel.: (84-292) 730 8088 - (84-292) 391 7887
Email: cs.cantho@intertek.com
Website: www.intertek.com / www.intertek.vn



Số: 343-2026/CV-PQA/HQ
V/v: Điều chỉnh thông tin sản phẩm

Tp HCM, ngày 15 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH

Công ty TNHH AEON VIỆT NAM (AEON VIETNAM) là công ty với 100% vốn nước ngoài, hoạt động với mã số doanh nghiệp 0311241512 do Sở Kế Hoạch & Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp, có trụ sở chính đặt tại Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

AEON VIETNAM đã thực hiện tự công bố cho sản phẩm:

STT	Số tự công bố	Tên sản phẩm	Ngày tự công bố	Ngày Sở ATTP TP. HCM tiếp nhận
1	29/AEONVN/2022	BÚN TƯƠI SẤY KHÔ	25/10/2022	01/11/2022

Nay AEON VIETNAM xin thông báo đến Sở An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh thông tin trong Hồ sơ và Nhãn sản phẩm tự công bố bên trên như sau:

STT	Nội dung điều chỉnh	Hồ sơ hiện tại	Hồ sơ điều chỉnh
1	Điều chỉnh địa chỉ của AEON VIETNAM trong Hồ sơ và trên Nhãn sản phẩm theo sát nhập địa giới hành chính	Số 30, đường Tân Thắng, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Số 30, đường Tân Thắng, Phường Tân Sơn Nhì, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
2	Điều chỉnh tên và địa chỉ của Nhà sản xuất trong Hồ sơ và trên Nhãn sản phẩm theo sự điều chỉnh GCN Đăng ký kinh doanh của Nhà sản xuất và theo sát nhập địa giới hành chính (không thay đổi địa điểm sản xuất)	XÍ NGHIỆP BÁNH PHỒNG TÔM SA GIANG 2 Lô III-2, III-3, Khu A1, KCN Sa Đéc, Phường An Hòa, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU SA GIANG - XÍ NGHIỆP 2 Lô III-2, III-3, Khu A1, KCN Sa Đéc, Phường Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
3	Điều chỉnh Bảng thông tin dinh dưỡng trong Hồ sơ và trên Nhãn sản phẩm	Áp dụng	Không áp dụng
4	Điều chỉnh văn bản áp dụng chỉ tiêu vi sinh vật trong Hồ sơ	Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm	Tiêu chuẩn Nhà sản xuất



5	Điều chỉnh giới hạn kiểm soát chỉ tiêu độc tố vi nấm trong Hồ sơ	Theo QCVN 8-1:2011/BYT (Mục II: Chỉ tiêu Aflatoxin-TT1.7, Ochratoxin A-TT2.2): Aflatoxin B1 $\leq 5 \mu\text{g/kg}$ Aflatoxin tổng $\leq 10 \mu\text{g/kg}$ Ochratoxin A $\leq 3 \mu\text{g/kg}$	Theo QCVN 8-1:2011/BYT: Aflatoxin B1 $\leq 2 \mu\text{g/kg}$ Aflatoxin tổng $\leq 4 \mu\text{g/kg}$ Ochratoxin A $\leq 3 \mu\text{g/kg}$
6	Điều chỉnh Thông tin cảnh báo trên Nhãn sản phẩm	Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn	- Không sử dụng sản phẩm khi đã hết hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng - Không sử dụng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm

Các nội dung Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo không thay đổi.

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về pháp lý của hồ sơ tự công bố và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã tự công bố.

Xin chân thành cảm ơn!

TM. CÔNG TY TNHH AEON VIỆT NAM

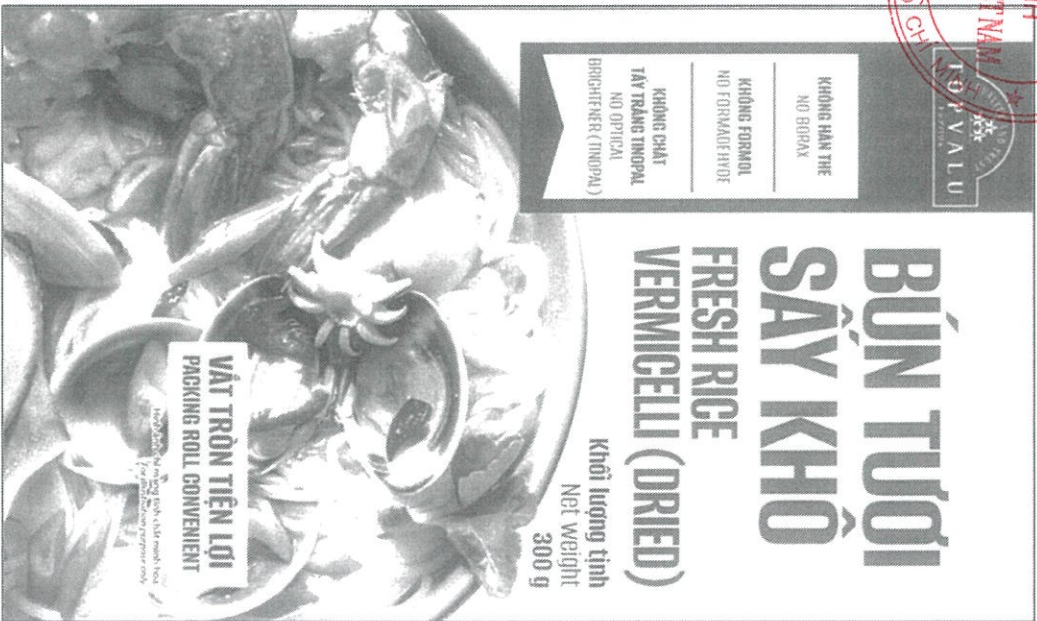


NGUYỄN THỊ DUY XUÂN



NHÂN DỰ THẢO

Mặt trước



Mặt sau

